

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Cầu Quan,
huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị Cầu Quan, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 535/TTr-SXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt Chương trình phát triển đô thị

Cầu Quan, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 (kèm theo Tờ trình số 05/TTr-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Nông Cống).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Cầu Quan, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, với nội dung chính sau:

I. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

1. Quan điểm

- Tuân thủ Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa, Quy hoạch chung đô thị Cầu Quan, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; phù hợp với Chương trình phát triển đô thị của tỉnh.

- Chương trình phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời phối hợp lồng ghép có hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/1/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.

- Huy động nguồn lực phấn đấu đến năm 2030, đô thị Cầu Quan hoàn thiện các chỉ tiêu theo quy hoạch chung được duyệt.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy hoạch, có kế hoạch và phát huy những lợi thế có sẵn phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị được duyệt. Khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực.

- Đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững và giữ gìn những giá trị tinh hoa, bản sắc văn hóa của đô thị Cầu Quan và huyện Nông Cống.

- Định hướng phát triển đô thị, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển đô thị Cầu Quan.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xác định danh mục lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị bao gồm các khu vực phát triển mới, mở rộng, cải tạo, bảo tồn, tái thiết,... cho từng giai đoạn 5 năm và ưu tiên giai đoạn đầu (5 năm và hàng năm) phù hợp các giai đoạn của quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được cho từng giai đoạn hàng năm, 5 năm phù hợp quy hoạch chung đô thị và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá, tổng hợp nhu cầu phát triển về quy mô đất đai, dân số, hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị và cơ sở hạ tầng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đô thị Cầu Quan.

- Lập danh mục các dự án đầu tư phát triển đô thị gồm quy mô dự án, khái toán kinh phí thực hiện, dự kiến nguồn vốn và thời gian thực hiện làm cơ sở để bố trí nguồn vốn và huy động các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình đầu tư xây dựng phát triển đô thị Cầu Quan.

II. Phạm vi lập chương trình

Phạm vi ranh giới đô thị Cầu Quan, huyện Nông Cống bao gồm 2 xã Trung Chính và Trung Thành, với diện tích tự nhiên là 1.557,74 ha (trong đó, xã Trung Chính 809,34 ha; xã Trung Thành 748,40 ha).

III. Nội dung chương trình

1. Chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng giai đoạn 05 năm và 10 năm; cụ thể hóa theo từng năm trong giai đoạn 05 năm đầu của chương trình.

1.1. Chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng giai đoạn 05 năm và 10 năm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng	Đề xuất 2025	Đề xuất 2030
I	Các chỉ tiêu chưa đạt tối thiểu				
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	0,6	0,7	1,2
2	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	0	≥1	≥2
3	Công trình đầu mối giao thông	cấp	-	-	huyện
4	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	1,97	≥2,45	≥11,25
5	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km ²	2,25	≥4,00	≥6,00
6	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	1,4	≥2,04	≥3,26
7	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	quy chế	Chưa có quy chế	Thực hiện quy chế	100% đã thực hiện tốt quy chế
8	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	0	≥20	≥30
9	Công trình xanh	công trình	0	0	0
10	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	khu	0	0	0

1.2. Các chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng năm của giai đoạn 05 năm đầu

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hiện trạng	năm 2025	năm 2026	năm 2027	năm 2028	năm 2029
I	Các chỉ tiêu chưa đạt tối thiểu						
1	Tỷ lệ tăng dân số (%)	0,6	≥ 0,70	≥ 0,80	0,9	≥ 1,0	≥ 1,1
2	Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)	0	0	≥ 1	≥ 1	≥ 1	≥ 1
3	Công trình đầu mối giao thông	cấp	-	-	-	huyện	huyện
4	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%)	1,97	≥ 2,21	≥ 2,45	≥ 5,35	≥ 8,25	≥ 11,15
5	Mật độ đường giao thông đô thị (km/km ²)	2,25	≥ 3,05	≥ 4,00	≥ 4,50	≥ 5,00	≥ 5,50
6	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km ²)	1,4	≥ 1,70	≥ 2,04	≥ 2,44	≥ 2,84	≥ 3,24
7	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (quy chế)	Chưa có quy chế	Lập quy chế	Thực hiện quy chế	75% thực hiện tốt quy chế	100% thực hiện tốt quy chế	100% thực hiện tốt quy chế
8	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	0	≥ 10	≥ 20	≥ 23	≥ 25	≥ 27
9	Công trình xanh	công trình	0	0	0	0	0
10	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	khu	0	0	0	0	0

2. Chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị

2.1. Tỷ lệ tăng dân số

- Huy động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đến đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở kinh doanh góp phần thu hút các lực lượng lao động từ các khu vực lân cận ngoài tỉnh đến sinh sống và làm việc trên địa bàn.

- Huy động và kêu gọi đầu tư, triển khai thực hiện các chương trình nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà cho người có công, nhà cho công nhân,... để tăng số lượng loại hình nhà ở, tạo môi trường hấp dẫn mọi tầng lớp người dân đến sinh sống tại huyện.

- Tiếp tục triển khai nâng cấp các cơ sở y tế, giáo dục để thu hút người dân khu vực lân cận đến điều trị, khám chữa bệnh và học tập trên địa bàn.

2.2. Tiêu chuẩn liên quan đến công trình văn hóa cấp đô thị: Đầu tư xây dựng thêm các công trình văn hóa cấp đô thị như: Nhà văn hóa, trung tâm hội nghị, câu lạc bộ, công trình vui chơi giải trí, công trình di tích lịch sử, văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị, tượng đài và các công trình văn hóa khác.

2.3. Tiêu chuẩn liên quan đến tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị và mật độ đường giao thông đô thị: Đầu tư xây dựng các khu dân cư khu đô thị, đối với các tuyến đường mở mới khuyến khích phát triển các tuyến đường chính có chiều rộng mặt đường từ 7 m trở lên; Nâng cấp, mở các tuyến đường nội thị theo quy hoạch. Sau khi đầu tư xây dựng, mở rộng các tuyến đường giao thông theo quy hoạch sẽ đảm bảo tiêu chuẩn về mật độ đường giao thông theo quy định.

2.4. Tiêu chuẩn liên quan đến mật độ đường cống thoát nước chính: Cải tạo, đầu tư xây mới hệ thống cống thoát nước dọc các trục đường giao thông chính, đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị.

2.5. Tiêu chuẩn liên quan đến quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Để tiêu chuẩn về quy chế quản lý kiến trúc đô thị đạt tối thiểu, UBND huyện Nông Cống lập Quy chế quản lý kiến trúc, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.6. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị: Trong giai đoạn 2023-2035, UBND huyện Nông Cống cần có những kế hoạch, đề án xây dựng tuyến phố văn minh đô thị đối với những tuyến phố trọng điểm; đồng thời, tiến hành cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố đảm bảo tối thiểu 50% số tuyến phố đạt chuẩn về tuyến phố văn minh đô thị.

2.7. Tiêu chuẩn công trình xanh: Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác lập quy hoạch, thi tuyển thiết kế công trình tiêu biểu; đồng thời, huy động, thu hút, kêu gọi đầu tư và xây dựng công trình theo tiêu chí công trình xanh (theo tiêu chuẩn của tổ chức LOTUS, LEED, Green Mark,...) và có cơ chế chính sách ưu đãi đối với các nhà đầu tư triển khai các dự án theo mô hình này.

(Danh mục dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

3. Các chương trình, kế hoạch phát triển các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị

3.1. Danh mục các khu vực phát triển đô thị theo quy hoạch chung được phê duyệt

a) Khu vực phát triển đô thị số 1: Diện tích 365 ha, thuộc địa giới hành chính xã Trung Chính. Chức năng là khu vực công nghiệp, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp.

b) Khu vực phát triển đô thị số 2: Diện tích 300 ha, thuộc địa giới hành chính xã Trung Chính. Chức năng là khu vực phát triển thương mại, dịch vụ, giáo dục phục vụ nhân dân vùng phía Bắc huyện Nông Cống và nhân dân các vùng lân cận.

c) Khu vực phát triển đô thị số 3: Diện tích lập quy hoạch 303 ha, thuộc địa giới hành chính xã Trung Thành. Chức năng là khu trung tâm hành chính – chính trị, văn hóa của đô thị.

d) Khu vực phát triển đô thị số 4: Diện tích 630 ha, Thuộc địa giới hành chính xã Trung Thành và Trung Chính. Tính chất chức năng là khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và du lịch tâm linh.

3.2. Lộ trình triển khai thực hiện

TT	Khu vực phát triển đô thị	Giai đoạn	
		2025	2026-2030
1	Khu vực phát triển đô thị số 1 (Khu vực gắn với chức năng sản xuất, làng nghề)		
	Đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các công trình công cộng	x	x
	Cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu	x	x
2	Khu vực phát triển đô thị số 2 (Khu vực phát triển thương mại dịch vụ)		
	Đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các công trình công cộng	x	x
	Cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu	x	x
	Đầu tư các khu ở mới, khu đô thị mới		x
3	Khu vực phát triển đô thị số 3 (Khu trung tâm hành chính đô thị)		
	Đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các công trình công cộng	x	x
	Cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu	x	x
	Đầu tư các khu ở mới, khu đô thị mới		x
4	Khu vực phát triển đô thị số 4 (Khu vực nông nghiệp công nghệ cao, du lịch tâm linh)		
	Đầu tư, mở rộng các công trình tâm linh		x

3.3. Các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác giai đoạn 2026-2030: (Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo).

3.4. Dự kiến nhu cầu vốn: Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các chương trình cho các giai đoạn đến năm 2030 của đô thị Cầu Quan:

TT	Giai đoạn	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)			
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Xã hội hóa; Nguồn ODA và các nguồn hỗ trợ khác
1	2025	401.559	243.500	53.885	19.174	85.000
2	Giai đoạn 2026-2030	1.436.973	641.000	233.973	20.000	542.000
Tổng		1.838.532	884.500	287.858	39.174	627.000

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Nông Cống

- Tổ chức thực hiện các nội dung của chương trình theo quy định của pháp luật; phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan để thực hiện các nội dung của chương trình; đồng thời giải quyết kịp thời hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Theo quy hoạch được duyệt chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện chỉnh trang đô thị, lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức vận động nhân dân tham gia cùng với chính quyền thực hiện;

- Tăng cường quản lý đất đai, quản lý xây dựng, tạo điều kiện và hướng dẫn nhân dân xây dựng công trình đảm bảo mỹ quan đô thị.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Giao thông vận tải, Tài chính, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế và các Ban, ngành, các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình phát triển đô thị theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính; Chủ tịch

UBND huyện Nông Công và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H1.(2025)QDPDCT PTDĐT Cau Quan

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

**Phụ lục 1: Danh mục dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên
đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung công việc	Quy mô	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Xã hội hóa; Nguồn ODA và các nguồn hỗ trợ khác	
	Tổng cộng			401.559	243.500	53.885	19.174	85.000	
A	Hạ tầng xã hội								
I	Nhà ở	Nhu cầu tăng thêm 54.636 m ² sàn nhà ở			Thực hiện theo các dự án phát triển đô thị và người dân chủ động cải tạo, sửa chữa nhà ở				
II	Y tế								
1	Cải tạo sửa chữa các trung tâm y tế xã			10.000		10.000			
2	Mở rộng bệnh viện tư nhân	0,1 ha	Xã Trung Chính	20.000				20.000	
III	Giáo dục đào tạo								
1	Cải tạo chỉnh trang THPT Nông Cống	hoàn thiện cơ sở vật chất trường THPT		3.000		3.000			Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 25/6/2020
2	Trường THCS Trung Thành	Xây dựng nhà hiệu bộ THCS Trung Thành		3.198		3.198			Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 26/3/2021

TT	Nội dung công việc	Quy mô	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Xã hội hóa; Nguồn ODA và các nguồn hỗ trợ khác	
3	Trường THCS Trung Thành	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng (10 phòng)		568,9		568,9			Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 12/9/2022
4	Trường Tiểu học Trung Thành	Xây dựng nhà hiệu bộ THCS		4.900			4.900		Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 08/6/2020
5	Trường Mầm non xã Trung Thành	2 tầng 8 phòng		6.446		6.446			Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 30/10/2019
6	Trường Mầm non xã Trung Thành	Hệ thống phòng cháy chữa cháy		382		382			Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 25/6/2020
7	Trường THCS Trung Chính			500			500		Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 25/6/2020
8	Trường Tiểu học Trung Chính			5.000			5.000		Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 25/6/2020
9	Trường Mầm non Trung Chính	Đầu tư xây dựng		7.690		7.690			Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 17/12/2020

TT	Nội dung công việc	Quy mô	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Xã hội hóa; Nguồn ODA và các nguồn hỗ trợ khác	
10	Trường Mầm non Trung Chính	Cải tạo		4.500			4.500		Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 25/6/2020
IV	Công trình trụ sở								
1	Cải tạo công sở làm việc xã Trung Chính	Cải tạo, sửa chữa		1.500		1.500			Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 17/12/2020
2	Xây dựng, cải tạo mở rộng UBND Xã Trung Thành trung tâm hành chính của thị trấn trong tương lai (2,58ha) (GD1)		Xã Trung Thành	30.000	30.000				Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 25/6/2020
B	Hạ tầng kỹ thuật								
I	Giao Thông								
1	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 45 đoạn từ thị trấn Nông Cống đi huyện Triệu Sơn (Cầu Nỏ Hèn) giai đoạn 1			206.600	206.600				Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 26/10/2023
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ QL 45 đi đèo Bà Triệu, xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa		0,2 ha	6.774		2.500	4.274		Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 09/2/2021
II	Cấp điện	Thực hiện theo quy hoạch và yêu cầu thực tế							

TT	Nội dung công việc	Quy mô	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Xã hội hóa; Nguồn ODA và các nguồn hỗ trợ khác	
1	Di chuyển công tơ điện và lắp đặt hộp công tơ của các hộ dân tại mặt bằng tái định cư phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam qua địa phận huyện Nông Cống	Xã Trung Chính, Trung Thành		700		700			Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 15/5/2021
2	Cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp trên địa bàn đô thị Cầu Quan phục vụ sản xuất và sinh hoạt			50.000				50.000	Kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn
III	Cấp nước								
1	Hoàn thiện hệ thống cấp nước đô thị			15.000				15.000	Kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn
IV	Hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng								
1	Xử lý khẩn cấp tuyến đê tả sông Nhom đoạn từ K31+430 đến K32+030 thuộc địa phận xã Trung Chính, huyện Nông Cống			9.800	6.900	2.900			Nghị quyết số 234/NQ-HĐND ngày 18/7/2024
V	Cây xanh								
1	Công viên thể dục thể thao (xã Trung Thành)		5,45 ha	15.000		15.000			Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 25/6/2020

**Phụ lục 2: Danh mục dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công
và các nguồn vốn khác**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Quy mô	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Xã hội hóa; Nguồn ODA và các nguồn hỗ trợ khác	
	Tổng cộng			1.436.973	641.000	233.973	20.000	542.000	
A	Hạ tầng xã hội								
I	Nhà ở	Nhu cầu tăng thêm 174.000 m ² sàn nhà ở	Thực hiện theo các dự án phát triển đô thị và người dân chủ động cải tạo, sửa chữa nhà ở						
II	Y tế								
1	Cải tạo Bệnh viện đa khoa Tâm Đức			20.000				20.000	Quyết định số 2435/QĐ- UBND ngày 25/6/2020
2	Cải tạo sửa chữa các trung tâm y tế xã			10.000		10.000			
3	Mở rộng bệnh viện tư nhân	Xã Trung Chính	0,1ha						
III	Giáo dục đào tạo	Thực hiện theo Quy hoạch và yêu cầu thực tế							
1	Cải tạo sửa chữa nâng cấp, xây mới các cơ sở đào tạo trên địa bàn đô thị Cầu Quan			60.000		20.000	10.000	30.000	
IV	Công trình văn hóa	Thực hiện theo Quy hoạch và yêu cầu thực tế							

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Quy mô	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Xã hội hóa; Nguồn ODA và các nguồn hỗ trợ khác	
1	Xây dựng nhà máy nước Cầu Quan 6.000m ³ /ngđ tại phía bắc cung cấp nước cho đô thị Cầu Quan và hệ thống cấp nước đô thị			100.000				100.000	Theo QHC đô thị
2	Hệ thống mương tiêu cấp 3	đầu tư, xây dựng		6.000		6.000			
IV	Thu gom, xử lý nước thải, chất thải								
1	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải trên địa bàn và các trạm xử lý nước thải cục bộ			50.000	30.000	20.000			
V	Cây xanh								
1	Xây dựng, duy tu hệ thống cây xanh, công viên đô thị			20.000		20.000			
VI	Công nghiệp, tiểu thủ CN								
1	Khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp (Xã Trung Chính)		55,3ha	60.000	20.000			40.000	Theo QHC đô thị
2	Khu dịch vụ logistic, kho tàng, bến bãi (Xã Trung Chính)		17,15ha	80.000				80.000	Theo QHC đô thị
3	Cụm công nghiệp Cầu Quan	Xã Trung Chính	55,3ha	80.000				80.000	
VII	Công trình thủy lợi								
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê hữu sông Nhôm Đoạn K20+920 - K24+100 huyện Nông Cống	Xã Trung Thành	0,05ha	11.400		11.400			Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 19/7/2022
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê			15.000	15.000				

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Quy mô	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Xã hội hóa; Nguồn ODA và các nguồn hỗ trợ khác	
VIII	Dự án khu dân cư, đất ở đô thị								
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu dân cư mới Trung Ý tại đô thị Cầu Quan, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Xã Trung Chính		695		695			
	<i>Đất ở</i>		4,75ha						
	<i>Đất giao thông</i>		2,38ha						
	<i>Đất khu vui chơi giải trí công cộng</i>		0,79ha						
2	Khu dân cư mới Trung Thành, đô thị Cầu Quan	Xã Trung Thành		600		600			
	<i>Đất ở</i>		6,29ha						
	<i>Đất giao thông</i>		2,93ha						
	<i>Đất khu vui chơi giải trí công cộng</i>		1,26ha						
3	Khu dân cư thôn Phú Mỹ, Yên Quả 1, Yên Quả 2, xã Trung Thành	Xã Trung Thành	1,17ha	500		500			
4	Khu dân cư mới sau bệnh viện Tâm Đức, đô thị Cầu Quan	Xã Trung Chính							Nghị quyết số 234/NQ-HĐND ngày 18/7/2024
	<i>Đất ở</i>		4,89ha						
	<i>Đất giao thông</i>		4,29ha						
	<i>Đất khu vui chơi giải trí công cộng</i>		3,06ha						
5	Khu dân cư mới Trung Ý 02, đô thị Cầu Quan	Xã Trung Chính		500		500			
	<i>Đất ở</i>		1,38ha						
	<i>Đất giao thông</i>		0,69ha						
	<i>Đất khu vui chơi giải trí công cộng</i>		0,23ha						

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Quy mô	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Xã hội hóa; Nguồn ODA và các nguồn hỗ trợ khác	
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu dân cư mới phía Tây Quốc lộ 45 tại đô thị Cầu Quan, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa	Xã Trung Thành		778		778			Nghị quyết số 234/NQ-HĐND ngày 18/7/2024
	<i>Đất ở</i>		3,16ha						
	<i>Đất giao thông</i>		2,72ha						
	<i>Đất khu vui chơi giải trí công cộng</i>		1,16ha						
7	Tái định cư dự án cao tốc Bắc Nam (6 lô) - Vị trí tái định cư tại Quốc lộ 47C	Xã Trung Chính	0,24ha	500		500			
X	Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng								
1	Mở rộng nghĩa địa khu Bái Ông Tiêu (Trung Ý cũ)	Xã Trung Chính	0,2ha	500		500			
2	Mở rộng nghĩa địa thôn Bi Kiều và thôn Mao Giáp	Xã Trung Chính	0,1ha	500		500			